

Bản án số: 1511/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Duyên

Bà Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 515/2022/HNST ngày 14 tháng 4 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 277/2022/QĐHPT ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà H, sinh năm 1975; Cư trú tại: Số 554/6 đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đ, sinh năm 1971; Cư trú tại: Số 554/6 đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2022 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà H trình bày: Bà và ông Đ chung sống, đăng ký kết hôn vào ngày 11/3/1996 tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống bà và ông Đ có 02 con chung là anh H, sinh ngày 15/11/1996 (đã trưởng thành) và chị L, sinh ngày 28/10/2003 (đã trưởng thành). Bà và ông Đ chung sống hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2019 thì ông Đ bắt đầu đam mê cờ bạc, bỏ bê gia đình và vay nợ rất nhiều người, sau khi sự việc bị vỡ nợ, bà H đã đứng ra trả nợ cho ông Đ nhưng ông Đ vẫn tiếp tục chơi cờ bạc khiến vợ chồng bà xảy ra cãi vã, bà đã nhiều lần khuyên bảo ông Đ từ bỏ cờ bạc để tập chung làm

ăn nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Từ năm 2020 đến nay, mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng bà và ông Đ đã không còn chung sống với nhau, ông Đ không còn quan tâm đến cuộc sống của gia đình cũng như vợ con. Nhận thấy tình cảm giữa bà và ông Đ không còn, bà Hảo đề nghị được ly hôn với ông Đạt. Về con chung: Đã trưởng thành. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Hảo giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án. Ông Đ vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Qua kiểm tra việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự và hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nghiên cứu. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông Đ. Về con chung: Đã trưởng thành; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Bà H đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bà H khởi kiện ông Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án quận Gò Vấp đã tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho ông Đ nhưng ông Đ đã vắng mặt đến lần thứ hai, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Đ và bà H.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Chứng nhận kết hôn số 109/1996-TH, quyền số 01 ngày 11 năm 1996 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành

phố Hồ Chí Minh thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các biên bản ghi nhận lời khai của nguyên đơn là bà H thì nguyên nhân bà H yêu cầu ly hôn với ông Đ là do cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Đ không quan tâm, chăm lo đến cuộc sống gia đình, không chia sẻ được với bà H những khó khăn trong cuộc sống, bà H đã nhiều lần khuyên nhủ ông Đ thay đổi nhưng không được, bà và ông Đ tuy còn sống chung nhà nhưng ông Đ không quan tâm đến cuộc sống gia đình và đã ly thân từ năm 2020.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm cách sống, đôi bên phải quý trọng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Qua kết quả trả lời xác minh của Công an Phường M, quận G và quá trình tổng đạt thừa phát lại thể hiện ông Đ vẫn sinh sống tại địa chỉ số 554/6 đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng quá trình thụ lý vụ án theo yêu cầu ly hôn của bà H với ông, dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Đ không đến tòa làm việc dù chỉ 1 lần thể hiện ông Đ không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những phân tích trên cho thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông Đ không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của bà H với ông Đ là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về con chung: Đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn.

Đối với phần phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến về việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà H:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông Đ.

Chứng nhận kết hôn số 109/1996-TH, quyền số 01 ngày 11 năm 1996 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn hiệu lực.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết, Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà H phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0048096 ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, bà H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- CCTHADS Q. Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng